

Bản án số: **131/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 12- 2023

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Chung Kim Sang**

2/ Ông Nguyễn Quốc Tiên

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 524/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và **quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13/12/2023, giữa các đương sự:**

1. NgU đơn: Chị Trần Thị Kiều M, sinh ngày 14/02/1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 47/12 đường Q, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Phước T, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 18/1A đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngU đơn chị Trần Thị Kiều M trình bày: Chị M và anh T tự quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2017. Anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 15/03/2018. **Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại gia đình bên chồng tại 18/1A đường Huỳnh Mẫn Đạt, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, vợ**

chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2023 chị M về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 01/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xU xảy ra mâu thuẫn, anh T ghen tuông vô cớ còn dùng lời lẽ xúc phạm và chị M bị anh T đánh đập nhiều lần. Ngoài ra anh Thiên còn quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau nữa nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Trần Thị Kiều M xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Phúc V, sinh ngày 18/07/2018 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 06/04/2022. Chị M yêu cầu được nuôi 02 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Kiều M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Phước T trình bày:** Anh T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân: Anh T cho rằng chị M quen với người đàn ông khác bên ngoài và tôi có đánh M 02 lần do M không cho tôi đi đâu, không cho làm gì và tôi đã từng chơi ma túy nhưng hiện nay không còn; Tôi có quen biết với người tên Ngân nhưng chỉ là bạn với nhau.

Về con chung: Anh Huỳnh Phước T xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Phúc V, sinh ngày 18/07/2018 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 06/04/2022. Anh T đồng ý giao 02 người con cho chị M nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Phước T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Phước T có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M tại Tòa án. Tuy nhiên, anh T đã được Tòa án triệu tập

xét xử hợp lệ và anh T có đơn xin vắng mặt và tại phiên tòa nguyên đơn chị M yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều M và anh Huỳnh Phước T tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 15/03/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống chị M và anh T không tìm được tiếng nói chung. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi, anh T ghen tuông vô cớ và dùng lời lẽ xúc phạm còn hăm dọa chị M và đánh chị M. Tại phiên tòa, chị M xác định không còn tình cảm yêu thương anh T nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại bản tự khai ngày 13/12/2023 anh T có ý kiến trình bày cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Từ những mâu thuẫn trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh T, chị M không còn yêu thương, chung thủy, tin tưởng lẫn nhau mà ngày càng trở nên căng thẳng. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều M đối với anh Huỳnh Phước T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh T xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Phúc V, sinh ngày 18/07/2018 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 06/04/2022, chị M yêu cầu được nuôi 02 người con chung và anh T cũng đồng ý giao 02 người con cho chị M nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thống nhất ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, qua nghị án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thống nhất giao 02 cháu Huỳnh Phúc V, sinh ngày 18/07/2018 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 06/04/2022 cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Nếu sau này chị M có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Thị Kiều M, anh Huỳnh Phước T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kiều M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều M được ly hôn với anh Huỳnh Phước T.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Huỳnh Phúc V, sinh ngày 18/07/2018 và Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 06/04/2022 cho chị Trần Thị Kiều M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Phước T có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Thị Kiều M, anh Huỳnh Phước T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0002837 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, chị M không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/12/2023). Bị đơn anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận :**

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. G
- Chi cục THA Dân sự TP.G
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Thùy Linh